

ẨN DỤ NGỮ PHÁP VÀ HIỆN TƯỢNG CHUYỂN ĐỔI TRONG DỊCH THUẬT

GRAMMATICAL METAPHOR AND SHIFTS IN TRANSLATION

Lê Thị Giao Chi

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng; Email: giaochi0502@gmail.com

Tóm tắt: Ẩn dụ là một đặc điểm ngôn ngữ thường gặp trong giao tiếp hằng ngày. Ẩn dụ được hiểu là sự thay thế hay chuyển nghĩa từ từ nhằm thể hiện ý nghĩa so sánh ngầm. Tuy nhiên, khái niệm ẩn dụ ngữ pháp, theo ngữ pháp hệ thống chức năng, của Michael Halliday là hiện tượng chuyển đổi về mặt hình thức của một nội dung, làm thay đổi chức năng của các yếu tố ngữ pháp biểu đạt nội dung ấy. Ẩn dụ ngữ pháp còn được xem là cách diễn đạt nghịch ngôn, thường xuất hiện trong các diễn ngôn hành chính, đòi hỏi những chuyển đổi cần thiết về mặt hình thức ngôn ngữ nhằm đảm bảo thông điệp được chuyển dịch thành công. Bài báo này bàn về hiện tượng ẩn dụ ngữ pháp và đưa ra cách tiếp cận từ góc độ dịch thuật, giải thích các thay đổi về mặt hình thức ngôn ngữ khi dịch từ ngôn ngữ gốc sang ngôn ngữ đích.

Từ khóa: ẩn dụ; ẩn dụ ngữ pháp; thuận ngôn; nghịch ngôn; hiện tượng chuyển đổi trong dịch

1. Đặt vấn đề

Ẩn dụ là một đặc điểm ngôn ngữ, một biện pháp tu từ thường gặp trong giao tiếp hằng ngày, đặc biệt là trong ngôn ngữ miêu tả và thường xuất hiện ở các loại hình văn bản văn học. Ẩn dụ là sự thay thế, hay chuyển nghĩa từ từ nhằm thể hiện ý nghĩa so sánh ngầm. Chẳng hạn trong ví dụ “The sea was a tiger”, phương tiện (vehicle) *tiger* được sử dụng để ám chỉ ‘the sea’, được mô tả với các đặc điểm như ‘rough’ và ‘wild’ của *tiger*. Tuy nhiên, khái niệm ẩn dụ cũng được Halliday sử dụng như là phương tiện làm thay đổi chức năng của các yếu tố ngữ pháp. Hay nói cách khác, ẩn dụ ngữ pháp là việc cấu tạo hay tái cấu tạo cấu trúc ngôn ngữ (cụ thể là các yếu tố ngữ pháp từ vựng) để biểu đạt các ý nghĩa ý niệm, xúc cảm, và chức năng khác nhau.

Ẩn dụ ngữ pháp, theo ngữ pháp chức năng của Halliday (1985; 1994), là một đặc điểm ngôn ngữ mà ở đó hiện tượng chuyển dịch của các yếu tố ngữ pháp, cú pháp, từ vựng dẫn đến sự thay đổi về chức năng ngôn ngữ, hay việc tái cấu trúc cách diễn đạt ý niệm giao tiếp. Hình thức diễn đạt này được xem là hiện tượng *danh hóa* (nominalisation), một đặc trưng cơ bản của ẩn dụ ngữ pháp trong tiếng Anh (Halliday, 1985; 1994). Như vậy, danh hóa được xem như là một công cụ thay thế để biểu đạt ý nghĩa, Thông qua việc tinh lược chủ thể hay tác nhân, biến diễn trình thành sự vật, hiện tượng, hoặc nén một chuỗi các câu đơn ngắn thành một vài câu ghép dài (Billig, 2008), danh hóa đã làm cho văn bản trở nên súc tích hơn, trừu tượng hơn, và phức tạp hơn.

Danh hóa cũng được xem là hiện tượng chuyển đổi trong dịch (translation shift) khi cấu trúc động từ ở văn bản gốc được chuyển dịch bằng cấu trúc danh từ tương đương trong văn bản đích. Việc chuyển đổi các thành tố cấu trúc hướng đến tương đương về thông điệp biểu đạt là rất cần thiết nhằm đạt được hiệu quả giao tiếp trong dịch thuật. Theo Baker (1992: 169), ‘danh hóa có thể được sử

Abstract: Metaphor is a common linguistic phenomenon in everyday communication. It is understood as a substitution or transference of metaphorical meaning to convey a covert comparison. However, the term ‘grammatical metaphor’ as coined by Halliday (1985; 1994) in the Systemic Functional Grammar refers to variation in the expression of a given meaning, transforming the functions of lexico-grammatical elements that constitute meaning. Grammatical metaphor, also seen as an incongruent form of expression, is a predominant feature, characteristic of texts of official genres, which facilitates a number of shifts in linguistic terms for an effective transfer of meaning from a source language text into a target language text. This article discusses this linguistic phenomenon – grammatical metaphor – and introduces a translation-oriented approach to analysing changes via translation from a linguistic perspective.

Key words: metaphor; grammatical metaphor; congruence; incongruence; translation shifts

dụng như là một chiến lược quan trọng nhằm giải quyết sự khác biệt về cú pháp và chức năng giao tiếp giữa văn bản gốc và văn bản đích’. Song các ngôn ngữ khác nhau lại có cách biểu đạt khác nhau về cùng một thông điệp giao tiếp. Cách biểu đạt ẩn dụ nói trên thường gặp ở tiếng Anh, hay ở các ngôn ngữ Châu Âu sẽ là những thách thức không nhỏ đối với người Việt học tiếng Anh, hoặc các dịch giả của hai thứ tiếng trong việc giải mã hay tái lập mã thông điệp khi giao tiếp xuyên ngôn ngữ, đòi hỏi họ phải hiểu rõ về hiện tượng ngôn ngữ này và tìm giải pháp tái thiết lập hình thức ngôn ngữ (re-wording), tái lập thông điệp để chuyển mã thành công.

2. Ẩn dụ ngữ pháp

2.1. Khái niệm về ẩn dụ ngữ pháp

Trong ngữ pháp hệ thống chức năng, thuật ngữ ‘ẩn dụ ngữ pháp’ theo Halliday dùng để chỉ việc ‘*chuyển đổi hình thức của cùng một nội dung biểu đạt*’ (Halliday, 1985: 320), chứ không phải là ‘*việc chuyển đổi nội dung của cùng một hình thức biểu đạt*’ (Taverniers, 2003: 7). Trong khi khái niệm ẩn dụ như là một biện pháp tu từ thường giới hạn trong phạm vi chuyển nghĩa từ nghĩa thực (vd. the *heart* of a person) sang nghĩa hình tượng (vd. the *heart* of a city), ẩn dụ ngữ pháp cho phép thể hiện nghĩa biểu đạt ở nhiều hình thức khác nhau. Trong trường hợp này, các diễn trình, theo thông thường, được biểu đạt bằng động từ, nay lại có khuynh hướng chuyển đổi về mặt ngữ nghĩa từ vựng thành sự vật thể hiện bằng hiện tượng chuyển loại từ động từ sang danh từ. Chẳng hạn, diễn trình ‘viết thư’ trong ‘John viết thư’ (‘John wrote a letter’) được chuyển đổi thành hiện tượng ‘Việc John viết thư’ trong ‘John’s writing a letter’.

Thật vậy, ẩn dụ ngữ pháp theo Halliday và Matthiessen (1999: 429), hay Taverniers (2003; 2004), có khuynh hướng là hiện tượng ‘danh hóa’, mà đây là một công cụ ngữ pháp từ vựng có vai trò quan trọng trong việc

hiện thực hóa trải nghiệm về nội dung biểu đạt của thể giới xung quanh. Nói một cách đơn giản, danh hóa là hiện tượng khi một diễn trình – cấu trúc động từ, dưới dạng *cấu trúc thuận ngôn*, chẳng hạn *Offices are opened* – *văn phòng mở cửa* - được tái hiện dưới dạng cấu trúc danh từ – *cấu trúc nghịch ngôn*, chẳng hạn *the opening of offices* – *việc mở cửa văn phòng*. Đến đây, cũng cần phân biệt hai khái niệm thuận ngôn và nghịch ngôn.

2.1.1. Diễn đạt thuận ngôn và nghịch ngôn (Congruence vs. Incongruence)

Halliday (1985; 1994) dùng thuật ngữ **Congruence** (*unmarkedness*) để chỉ cách biểu thị ý tưởng trực tiếp, điển hình (*typical ways of saying things*). Trong khi đó, **incongruence** (*non-congruence – markedness*) lại là cách diễn đạt khi có sự hiện diện của ý nghĩa chuyển đổi ẩn dụ (*metaphorical transferred meaning*). Xét hai ví dụ sau:

- He drove rapidly down the hill. (congruent)
Nó lái xe nhanh xuống đồi (thuận ngôn)
→ His rapid downhill driving (incongruent/metaphorical)
Việc nó lái xe nhanh xuống đồi (nghịch ngôn/ ẩn dụ)
- She is honest. (congruent)
Cô ấy thật thà (thuận ngôn)
→ You can count on her honesty (incongruent/metaphorical)
Câu có thể tin cậy đức tính thật thà của cô ấy (nghịch ngôn/ ẩn dụ)

Như vậy, động từ chỉ diễn trình có thể được xem là cách biểu đạt ý niệm tự nhiên trong khi đó danh từ lại biểu thị phạm trù ý nghĩa trừu tượng hơn, và thuộc vào phạm trù ý nghĩa ẩn dụ [Xem thêm Goatly (1997: 83)]. Khi được chuyển thành danh từ, các phạm trù từ vựng này được xem là đã chuyển cấp ('rank-shifted'), trở thành cách diễn đạt nghịch ngôn, hay nói khác đi 'danh hóa' (Halliday, 1994: 187-196, 342-367).

Việc sử dụng hình thức danh hóa cũng thường tùy thuộc vào thể loại, văn phong, và thường gặp ở các loại hình văn bản hành chính, hoặc văn phong ngôn ngữ trang trọng, nơi mà mật độ danh từ hóa động từ trở nên dày đặc (Saenz, 2000: 501), chẳng hạn có thể thấy ở các ví dụ sau:

- The *appointment*, *remuneration* and *dismissal* of officers of the board of control [15]
- The *opening* of offices for the *regulation* of the *management* and *administration* of the board of control, including the *manner* and *form* in which all *agreements* and *documents* shall be drawn up and executed by, for or on behalf of the board. [16]

Hoặc trong tiếng Việt:

Ban soạn thảo đã được thành lập theo *cơ chế Nhóm Công tác* liên ngành với *sự tham gia* của các *cơ quan liên quan* trực tiếp đến *việc bảo vệ, thực hiện và thúc đẩy* các quyền con người. [17]

Hiện tượng chuyển đổi từ loại, chuyển đổi cấu trúc, hay cách diễn đạt làm thay đổi chức năng của các yếu tố ngôn ngữ cũng được đề cập trong lý thuyết dịch.

3. Dịch và hiện tượng chuyển đổi (translation shifts) trong dịch thuật

3.1. Khái niệm về dịch

Trước hết, cần đưa ra khái niệm cơ bản về dịch thuật. Theo cách định nghĩa truyền thống, dịch là chuyển đổi từ hình thức này sang hình thức khác, hay chuyển từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác. Với định nghĩa trên, dịch cơ bản là sự thay đổi hình thức, thông thường ám chỉ từ, cụm, cú, câu, đoạn,... dưới dạng nói hoặc dạng viết.

Tuy nhiên, dịch không chỉ đơn thuần là sự thay đổi về mặt hình thức. Thật ra, dịch nhằm hướng tới việc chuyển nghĩa/ thông điệp từ ngôn ngữ gốc sang ngôn ngữ đích. Vì thế, chính nội dung thông điệp là cái cần chuyển dịch, cho dù hình thức ngôn ngữ có thay đổi, ý nghĩa nội dung này phải không thay đổi. Theo Larson (1984), dịch là quá trình nghiên cứu ý nghĩa của văn bản gốc qua từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, mục đích giao tiếp, và ngữ cảnh văn hóa, sau đó tái lập lại nội dung thông điệp này sử dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp phù hợp trong ngôn ngữ đích, phù hợp với ngữ cảnh văn hóa đích. Và như thế, 'dịch phải hướng đến việc tái tạo lại thông điệp' (Nida & Taber, 1982: 12) cho dù hình thức ngôn ngữ có thay đổi.

3.2. Hiện tượng chuyển đổi trong dịch

Bản về sự thay đổi các yếu tố ngôn ngữ trong dịch thuật, Catford (1965; 2000: 73), đưa ra khái niệm 'translation shifts', tạm dịch là 'chuyển đổi trong dịch'. Đây là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng ngôn ngữ xảy ra trong dịch khi có sự lệch hướng khỏi sự tương đồng về mặt hình thức (departures from formal correspondence). Cyrus (2006: 1240) cũng đồng tình với quan niệm của Catford về 'translation shifts' để ám chỉ những chuyển dịch thường xảy ra trong quá trình dịch. Các chuyển đổi trong dịch của Catford bao gồm *chuyển dịch về cấp độ* (*level shifts*) và *chuyển dịch về phạm trù* (*category shifts*).

(a) **Chuyển dịch về cấp độ (level shift)** xảy ra khi một đơn vị ngôn ngữ gốc ở một cấp độ ngôn ngữ có một đơn vị ngôn ngữ dịch tương đương ở một cấp độ khác 'an SL item at one linguistic level has a TL translation equivalent at a different level' (Catford, 1965: 73). Chẳng hạn trong quá trình dịch Anh-Việt ta vẫn thường gặp sự chuyển dịch từ cấp độ ngữ pháp sang từ vựng, như trong cách chuyển dịch của 'this partnership' thành 'chương trình hợp tác này' mà ở đó hình vị tạo danh từ (vĩ tố - *ship*) được chuyển dịch thành 'chương trình', mà đó lại là một đơn vị từ vựng - danh từ.

Một sự chuyển dịch khác có thể thấy từ cấp độ từ vựng sang ngữ pháp. Chẳng hạn trong câu 'Anh ấy đã đi rồi' và câu tiếng Anh tương đương 'He has left' hoặc là 'He left'. Có thể nói rằng, trong tiếng Việt, do không có phạm trù ngữ pháp chỉ thì (thời) của động từ như trong tiếng Anh, nên một số yếu tố từ vựng thường được dùng để chỉ sắc thái nghĩa này: 'đã', 'đang', and 'sẽ' thường đi trước động từ để chỉ trạng thái của hành động ở quá khứ, đang xảy ra trong hiện tại, hoặc hành động ở tương lai, và phó từ 'rồi' thường theo sau động từ để chỉ hành động đã kết thúc.

(b) **Chuyển dịch về phạm trù (Category shifts)** được Catford chia ra thành 4 loại. Một là chuyển đổi về cấu trúc (*structure-shifts*), được cho là những thay đổi diễn ra

về mặt cấu trúc của thành phần cú. Hai là *chuyển đổi từ loại* (class-shifts). Ba là *chuyển đổi đơn vị* (unit-shifts), đó là hiện tượng dịch một cụm từ thành một mệnh đề. Và bốn là *chuyển đổi trong hệ thống* (intra-system-shifts), chẳng hạn ‘chuyển đổi về cách biểu hiện ngôi, số đối với danh từ cho dù hai ngôn ngữ có hệ thống ngôi số giống nhau’ (Catford, 2000: 143-7).

Theo Catford, *chuyển đổi về cấu trúc* là hình thức chuyển đổi phổ biến nhất trong dịch, thường gặp nhất là chuyển đổi về ngữ pháp hay cấu trúc ngữ pháp. Như vậy, *hiện tượng chuyển đổi trong dịch theo Catford* có mối tương quan với *hiện tượng ẩn dụ ngữ pháp của Halliday*. Việc chuyển đổi, hay tái lập lại nội dung thông tin để phù hợp với văn cảnh dịch, và tiện lợi cho quá trình dịch là công cụ thường sử dụng để tải thông điệp từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích. Chẳng hạn:

My hobby is reading books. = SVC

Tôi thích đọc sách. = SVO

Hiện tượng này được xem là chuyển đổi cấu trúc vì thành phần câu trong bản dịch tiếng Việt là Chủ ngữ - Động từ - Tân ngữ (S - V - O) khác so với cấu trúc trong bản gốc tiếng Anh là Chủ ngữ - Động từ - Bổ ngữ (S, V, C). Bên cạnh đó, chuyển đổi cấu trúc còn xảy ra ở các cấp độ khác, thường dưới câu (Catford, 2000: 145), chẳng hạn, ở cấu trúc ngữ danh từ mà trật tự từ trong ngữ thay đổi khi chuyển dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt (vd. *a blue hat* thành *chiếc mũ xanh* ‘*a hat blue*’).

Khác với chuyển đổi về cấu trúc, hiện tượng *chuyển đổi từ loại* là sự chuyển đổi từ một lớp từ này trong văn bản gốc sang một lớp từ khác trong văn bản đích. Chẳng hạn, tính từ trong tiếng Anh ‘*medical*’ trong ‘*a medical student*’ được chuyển đổi thành danh từ ‘*médecin*’ trong tiếng Pháp ‘*un étudiant en médecine*’, mà ở đó tính từ bổ nghĩa cho danh từ ‘*student*’ đã chuyển loại và chuyển vị trí bổ nghĩa cho danh từ.

Đối với *hình thức chuyển đổi đơn vị*, Catford muốn ám chỉ những chuyển dịch về đơn vị ngôn ngữ theo tầng bậc từ câu, cú, cụm từ, đến từ. Chẳng hạn, từ ‘*payment*’

trong ‘*If payment is delayed...*’ [3] được dịch thành một *cụm danh từ* ‘*quá trình thanh toán*’ trong ‘*Nếu có sự chậm trễ trong quá trình thanh toán...*’ là một điển hình của hiện tượng chuyển dịch đơn vị.

Chuyển đổi trong hệ thống là những chuyển dịch diễn ra trong hệ thống nội tại của ngôn ngữ khi ngôn ngữ gốc và ngôn ngữ đích tồn tại các hình thức tương đương có thể thay thế cho nhau; tuy nhiên, trong quá trình dịch, ‘yếu tố không tương đương trong ngôn ngữ đích lại được lựa chọn để chuyển dịch’ (Catford, 2000: 146). Lấy hệ thống mạo từ hoặc hệ thống ngôi số giữa tiếng Pháp và tiếng Anh làm ví dụ. Mặc dù, hệ thống này tương đương giữa hai ngôn ngữ, chúng lại không phải lúc nào cũng tương ứng với nhau. Chẳng hạn, từ ‘*advice*’ (số ít) trong tiếng Anh lại được dịch sang ‘*des conseils*’ (số nhiều) trong tiếng Pháp. Hoặc là danh từ ‘*requirement*’ (số ít) trong tiếng Anh (vd. in pursuance of the anticorruption policy’s requirement) được dịch thành *các quy định* (số nhiều bởi lượng từ *các*) trong tiếng Việt (vd. theo *các quy định* của chính sách chống tham nhũng).

Mô hình chuyển đổi trong dịch của Catford có thể được xem là một sự lồng ghép các biểu hiện ngôn ngữ, dùng làm phương tiện phân tích lý giải một cách có hệ thống các hiện tượng ngôn ngữ nảy sinh trong dịch thuật. Việc miêu tả các loại hình chuyển đổi cho thấy tính phức tạp của hoạt động dịch. Do các ngôn ngữ có nguồn gốc khác nhau không có chung một hệ thống phân cấp về thành tố ngôn ngữ (‘rank’), việc phân tích những thay đổi cần phải có trong dịch là cần thiết để đảm bảo hiệu quả tương đương trong dịch (Nida, 1964). Có như vậy mới có thể tránh được sự khác thường về ngôn ngữ trong dịch do người dịch quá trung thành với hình thức của ngôn ngữ gốc mà có thể trở nên kém trung thành đối với nội dung biểu đạt, hoặc làm thay đổi ‘hiệu ứng’ của thông điệp (Nida & Taber, 1982: 13).

Sau đây là một vài minh họa từ thực tiễn dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt nhằm chứng minh tính phù hợp của mô hình chuyển đổi của Catford trong việc phân tích các thay đổi về ngôn ngữ đã xảy ra trong quá trình dịch.

(1) It is my honor / to be here / today / for this important function.

Tôi rất vinh dự / có mặt / trong buổi lễ long trọng / ngày hôm nay

[I (am) very honored / (to be) present / in (the) solemn ceremony / today] (Congruent decoding)

[18]

Ở đây, chúng ta có thể thấy nhiều sự chuyển đổi về mặt ngôn ngữ đã xảy ra trong quá trình dịch. Câu gốc tiếng Anh là một minh họa cho hiện tượng biểu đạt ẩn dụ về ngữ pháp, khi mà hiện tượng danh hóa đã diễn ra với cấu trúc danh từ ‘*my honour*’ và chủ từ giả ‘*It*’ (‘*It is my honour*’ ‘*Đó là niềm vinh dự của tôi*’ – một cách diễn đạt được cho là nghịch ngôn trong tiếng Việt) để biểu thị ý niệm ‘*Tôi vinh dự...*’. Vì thế, cần tái cấu trúc lại ý niệm này trong dịch để có được bản dịch tự nhiên trong tiếng Việt. Các hình thức chuyển dịch khác được tóm tắt như sau:

- Về cấu trúc (Structure shift):

It is my honor → I (am) very honored (tôi rất vinh dự).

(Mệnh đề có cấu trúc danh hóa và chủ từ giả → Mệnh đề có chủ thể và tính từ làm vị từ)

For this important function → in (the) solemn ceremony (trong buổi lễ long trọng)

(Mệnh đề chỉ mục đích → Mệnh đề chỉ nơi chốn)

- Về đơn vị (Rank shift):

To be here → present (có mặt)

(Cụm từ với động từ nguyên thể → tính từ)

- Về loại từ (Class shift):

my → I

(Tính từ sở hữu → đại từ nhân xưng)

Honor → honored (*vinh dự* dùng như tính từ với trạng từ *rất* làm tiền bổ ngữ)

(Danh từ → tính từ)

Bởi vì tiếng Việt không có hệ thống tính từ sở hữu tương đương như trong tiếng Anh (chẳng hạn đổi với từ 'my') cho nên ở đây xuất hiện sự chuyển đổi về loại từ -

tính từ 'my' → đại từ nhân xưng 'tôi'). Bên cạnh đó, ta còn thấy sự thay đổi vị trí của chỉ tố thời gian 'today' từ vị trí giữa câu trong tiếng Anh sang vị trí cuối câu trong tiếng Việt, chưa kể việc thêm phó từ chỉ mức độ 'rất' trước danh từ 'vinh dự', làm cho nó có chức năng như một tính từ.

Sau đây là một ví dụ khác:

(2) I would like / to offer my congratulations / on this partnership.

Cho phép tôi /

[Let me

(a)

được chúc mừng

/ congratulate

(b)

/ chương trình hợp tác này.

/ this collaborative program)

(c)

[18]

Khi tái lập mã sang cấu trúc thuận ngôn, ta thấy đã có nhiều sự chuyển đổi xảy ra. Ở (a), trước tiên là *chuyển đổi về cấu trúc* (từ trần thuật sang truyền khiển: 'I would like' → 'Let me', trong đó bao hàm cả hiện tượng *chuyển loại trong cùng một loại từ* tôi 'I' (chủ thể) → tôi 'me' (khách thể). Tuy nhiên, ở (b) sự chuyển đổi cấu trúc xảy ra ở thành tố cấu thành ngữ động từ. Trong tiếng Anh, ẩn dụ ngữ pháp được sử dụng trong cách diễn đạt, biến hành động 'chúc mừng' ('to congratulate') thành 'lời chúc mừng' ('congratulations' - cụ thể, số nhiều) được dùng kèm với động từ 'offer' mà khi dịch sang tiếng Việt, nó đã được tái cấu trúc theo kiểu thuận ngôn ('*được chúc mừng*') hơn là dùng cách nói ẩn dụ mang đậm tính trang trọng ('*xin được gửi lời chúc mừng của mình đến...*'). Trong sự chuyển đổi này còn có sự chuyển loại từ danh từ 'congratulations' sang động từ 'chúc mừng', và sự chuyển loại về hành chức của động từ khi thêm vào tiểu từ 'được' để thể hiện tính lịch sự trong nghi thức giao tiếp trang trọng. Còn ở (c) ta thấy có sự chuyển đổi về cấp độ từ hình vị tạo từ -ship thành danh từ 'chương trình', và chuyển đổi về đơn vị từ danh từ 'partnership' thành cụm danh từ 'chương trình hợp tác'.

4. Kết luận

Có thể nói rằng nhiều sự thay đổi về hình thức biểu đạt đã diễn ra để đảm bảo cùng nội dung biểu đạt khi đi từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác. Khái niệm về ẩn dụ ngữ pháp của Halliday và lý thuyết về mô hình chuyển dịch của Catford đã kết nối hai lĩnh vực ngôn ngữ và dịch thuật, giúp hình thành một lăng kính xuyên ngành từ đó có thể nghiên cứu và phân tích các hiện tượng có thể xảy ra trong dịch thuật nhìn từ góc độ ngôn ngữ.

Dù không phải là công cụ duy nhất để tiếp cận hoạt động dịch thuật, mô hình của Catford và khái niệm ẩn dụ ngữ pháp có thể nói đã mở ra nhiều định hướng mới cho các nghiên cứu về dịch thuật. Chẳng hạn nghiên cứu về chuyển dịch trong liên kết (shift in cohesion) (Blum-Kulka, 2000) hoặc lý thuyết về các khuynh hướng 'phá cách' trong dịch (deforming tendencies) khi mà người dịch sử dụng các thủ thuật như là ngoại hóa (foreignisation); làm rõ nghĩa (explicitation); mở rộng (expansion); đơn giản hóa (simplification); trau chuốt (enrichment),... (Berman, 1985, trích từ Munday, 2001).

Ngoài ra cũng có nhiều yếu tố ngoài ngôn ngữ tác động

đến quá trình dịch - ngữ cảnh, mục đích giao tiếp, vai trò của dịch giả, yếu tố văn hóa, độc giả, loại hình văn bản,... (Munday, 2001), mà nó nằm ngoài phạm vi nghiên cứu của bài viết. Song góc nhìn từ ngôn ngữ bao giờ cũng là khởi điểm cho những cách tiếp cận khác, và mô hình chuyển đổi trong dịch của Catford và lý thuyết về ẩn dụ ngữ pháp của Halliday vẫn luôn giữ vai trò là viên đá tảng trong các nghiên cứu về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và dịch thuật.

Tài liệu tham khảo

- [1] Baker, M.(1992;1998) (Ed.), *Routledge Encyclopaedia of Translation Studies*, London: Routledge.
- [2] Billig, M. (2008), The language of critical discourse analysis: the case of nominalization, *Discourse & Society*, Vol. 19, No. 6, 783-800.
- [3] Catford, J. C. (1965). *A Linguistic Theory of Translation*, London: Oxford University Press.
- [4] Catford, J. C. (2000), Translation Shifts. In: V.Lawrence (Ed.) *The Translation Studies Readers*, London and New York: Routledge, 141-147.
- [5] Cyrus, L. (2006), Building a Resource for Studying Translation Shifts, *LREC*.
- [6] Goatly, A.(1997), *The Language of Metaphors*, London: Routledge.
- [7] Halliday, M.A.K. (1985; 1994), *An Introduction to Functional Grammar*, London: Arnold.
- [8] Halliday, M.A.K., and Matthiessen, C.M.I.M. (1999), *Construing Experience through Meaning: A Language-based Approach to Cognition*, London: Cassell.
- [9] Larson, M. L.(1884), *Meaning-based Translation: A Guide to Cross-language Equivalence*, London: University Press of America.
- [10] Munday, J. (2001), *Introducing Translation Theories - Theories and Applications*, London: Routledge.
- [11] Nida, E. (2000), Principles of Correspondence. In: V.Lawrence (Ed.) *The Translation Studies Readers*, London and New York: Routledge, 126-140.
- [12] Nida, E. A. and Taber, C. R. (1982), *The Theory and Practice of Translation*, Netherlands, Leiden.
- [13] Saenz, F. S. (2000), Halliday's grammatical metaphor, conceptualization and linguistic construal, *EPOS*, XVI, 497-511.
- [14] Taverniers, M. (2003), "Grammatical metaphor in SFL: A historiography of the introduction and initial study of the term", In: Simon-Vandenberg, Anne-Marie; M.Taverniers & Louise
- [15] Dickerson, F. Reed (1981), *Materials on legal drafting*, Minnesota: West Pub. Co.
- [16] *Procurement Guidelines* truy cập tại www.adb.org/documents/guidelines/procurement/default.asp
- [17] Báo cáo quốc gia kiểm điểm định kỳ việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam.
- [18] *Phát biểu của Đại sứ Australia Bill Tweddell* tại buổi lễ Khánh thành Viện Anh Ngữ ĐHQĐ-ĐH Queensland. Tháng 6 2007 [được dịch bởi tác giả].